

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN DẠY TRẺ KHIẾM THÍNH TRONG TRƯỜNG MẦM NON HÒA NHẬP TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN*

Ngày nhận bài: 03/08/2016; ngày sửa chữa: 03/08/2016; ngày duyệt đăng: 05/08/2016.

Abstract: Today medical technology devices are increasingly used to support children with hearing impairment, especially cochlear implant. Meanwhile, human resources for inclusive education do not catch up with demands of promoting language potentials and communicative ability for children with hearing loss. Based on situation of teaching staff for inclusive education in Hanoi, author proposes measures to enhance quality of inclusive education and help children with hearing impairment integrate into community.

Keywords: Hearing impaired children, preschools, inclusive education, cochlear implant.

1. “Hình thành hệ thống giáo dục hòa nhập (GDHN) ở tất cả các cấp học trong hệ thống giáo dục phổ thông; hệ thống dịch vụ hỗ trợ GDHN được triển khai có hiệu quả” là định hướng phát triển GDHN ở nước ta giai đoạn 2011-2020 [1; tr 41]. Trẻ khiếm thính (TKT) là đối tượng có nhu cầu đặc biệt, sẽ đạt hiệu quả cao khi học trong môi trường hòa nhập. Để đạt được chất lượng cao trong GDHN thì số lượng giáo viên (GV) hỗ trợ, trình độ chuyên môn hay số năm kinh nghiệm làm việc với trẻ là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng GDHN. Hiện nay, với sự phát triển vượt bậc của công nghệ điện tử, các phương tiện trợ thính, “ốc tai điện tử” mà các TKT ở mức độ nặng và sâu có cơ hội tiếp cận và sử dụng ngôn ngữ lời nói để phát triển ngôn ngữ, phát triển giao tiếp và hòa nhập vào xã hội. Sau một thời gian huấn luyện kỹ năng nghe nói, các em có thể tham gia vào môi trường GDHN như mọi trẻ khác.

Trường mầm non là môi trường đầu tiên tiếp nhận và hỗ trợ các em hòa nhập, dạy những kỹ năng giao tiếp cơ bản. Hiện nay, GV dạy các em tại trường mầm non, chất lượng giảng dạy, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy... là những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi trẻ có nhu cầu đặc biệt nói chung và TKT nói riêng. Tuy nhiên, hiện nay số lượng GV được đào tạo chuyên ngành khiếm thính còn rất hạn chế, thiếu rất nhiều GV có hiểu biết cơ bản về TKT và có chuyên môn dạy TKT học nói. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng nguồn GV hỗ trợ TKT trong trường mầm non là cơ sở để đề xuất tăng cường GV hỗ trợ TKT trong các trường mầm non hòa nhập là việc làm cấp thiết.

2. Thực trạng đội ngũ GV dạy TKT trong trường mầm non hòa nhập tại TP. Hà Nội

2.1. **Khái quát về quá trình khảo sát.** Khảo sát được thực hiện tại 04 trường mầm non có TKT học hòa nhập ở quận Ba Đình, Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai (TP. Hà Nội), năm học 2015-2016, nhằm đánh giá thực trạng nguồn nhân lực dạy TKT tại các trường này. Trong khảo sát, chúng tôi sử dụng phiếu hỏi dành cho 58 GV dạy hòa nhập TKT. Nội dung bộ phiếu hỏi đề cập đến: - Hiểu biết của GV về TKT; - Phương pháp dạy TKT; - Trình độ chuyên môn về giáo dục đặc biệt của GV và các thông tin liên quan đến năm công tác và số năm kinh nghiệm làm việc với TKT.

2.2. Kết quả khảo sát:

2.2.1. Cơ cấu đội ngũ:

- Về độ tuổi: Số GV có tuổi đời dưới 30 chiếm số lượng khá đông (75,86%); số GV có tuổi đời từ 30-39 tuổi chỉ chiếm 20,69%; số GV trên 40 tuổi chiếm 3,45%. Có thể thấy, đội ngũ này đa số còn quá trẻ (xem bảng 1).

Bảng 1. Cơ cấu độ tuổi GV mầm non dạy hòa nhập TKT (n = 58)

Độ tuổi	Số lượng	Tỉ lệ %
< 30 tuổi	44	75,86
30-39 tuổi	12	20,69
40-50 tuổi	2	3,45
>50 tuổi	0	0

- Về kinh nghiệm công tác: Do đa số GV tuổi đời còn trẻ, nên chỉ 13,8% số GV khảo sát có thâm niên dạy học trên 10 năm; trong đó không ai có trên 10

* Trường mầm non Lâm Nhi - Hà Nội

năm kinh nghiệm dạy học hòa nhập TKT. Số GV có 5-10 năm kinh nghiệm dạy học hòa nhập TKT chỉ chiếm 6,9% (xem *bảng 2*).

Bảng 2. Thâm niên dạy học và dạy học hòa nhập TKT (n = 58)

Kinh nghiệm	Dạy học		Dạy hòa nhập TKT	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
< 5 năm	42	72,4	54	93,1
5-10 năm	8	13,8	4	6,9
11-15 năm	8	13,8	0	0
>15 năm	0	0	0	0

- Về trình độ chuyên môn giáo dục đặc biệt: Chỉ có 6,9% GV có trình độ trên đại học; 51,72% GV tốt nghiệp đại học nhưng không đúng chuyên ngành giáo dục TKT; 10,34% GV tốt nghiệp cao đẳng và có tới 31,03% GV tốt nghiệp các chuyên ngành khác (xem *bảng 3*).

Bảng 3. Trình độ chuyên môn về giáo dục đặc biệt (n = 58)

Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỉ lệ %
Sau đại học	4	6,9
Đại học	30	51,72
Cao đẳng	6	10,34
Chuyên ngành khác	18	31,03

Khi được hỏi về tình hình bồi dưỡng chuyên môn giáo dục TKT: có 28/58 GV đã từng tham gia các khóa tập huấn, được học 1 học phần trong quá trình học tập hay một số nhỏ trong đó là gia đình có TKT. Có tới 30/58 GV chưa bao giờ tham gia các khóa học, tập huấn về hỗ trợ cho TKT. Trong khi đó, có tới 42/58 GV đã từng dạy, chơi, hỗ trợ cho TKT và số GV đang hỗ trợ cho TKT học hòa nhập (32/58 GV).

2.2.2. Nhận thức của GV về GDHN TKT: Có tới 79,31% GV được hỏi cho rằng môi trường GDHN kết hợp với giáo dục chuyên biệt là tốt nhất cho TKT (xem *bảng 4*).

Bảng 4. Quan niệm của GV về môi trường học tập tốt cho TKT

Môi trường học tập	Số lượng	Tỉ lệ %
Giáo dục tại gia đình	0	0
Giáo dục chuyên biệt	4	6,89
GDHN	8	13,79
Kết hợp hòa nhập với chuyên biệt	46	79,31

GDHN giúp các bé học và thực hành, tương tác không chỉ với GV mà còn chính với các bạn cùng trang lứa. Trẻ có những bài học, những trải nghiệm thực tế sẽ giúp ghi nhớ lâu hơn và vận dụng tốt hơn vào giao tiếp hàng ngày. Như vậy, để có thể hiểu, giao

tiếp với cô và trẻ khác trong lớp thì TKT cần được trang bị những kiến thức, kĩ năng cơ bản, trẻ cần có lượng vốn từ rất lớn... cái đó phần lớn có được thông qua các hoạt động can thiệp và hỗ trợ cá nhân.

Bảng 5. Đánh giá của GV về vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển giao tiếp và nhận thức của TKT (n = 58)

Vai trò của ngôn ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %
Không quan trọng	0	0
Ít quan trọng	0	0
Quan trọng	12	20,69
Rất quan trọng	46	79,31

Đánh giá về tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với sự phát triển nhận thức và giao tiếp của TKT: có tới 79,31% số GV được khảo sát cho rằng rất quan trọng; số còn lại cho là quan trọng.

2.2.3. Phương pháp dạy học và hỗ trợ giáo dục TKT (xem *bảng 6*):

Bảng 6. GV tham gia những hoạt động dạy học và hỗ trợ giáo dục TKT (n=58)

Hoạt động	Số lượng	Tỉ lệ %
Hoạt động cá nhân 1 cô - 1 trẻ	34	58,62
Hoạt động học chung	48	82,76
Hoạt động chơi góc	34	58,62
Hoạt động vui chơi tự do	44	75,86
Hoạt động chế độ sinh hoạt một ngày	38	65,52
Tất cả các hoạt động trên	10	17,24

Bảng 6 cho thấy: có 10/58 GV (chiếm 17,24%) hỗ trợ cho TKT trong *tất cả các hoạt động* chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường mầm non; 82,76% GV hỗ trợ cho trẻ trong *hoạt động chung*; 58,62% GV hỗ trợ trong *hoạt động dạy cá nhân 1 cô - 1 trẻ*; 58,62% GV có hỗ trợ thông qua các *hoạt động chơi góc*; 75,86% hỗ trợ trẻ trong *hoạt động chế độ sinh hoạt một ngày* của bé.

Bảng 7. Những phương pháp GV sử dụng trong hỗ trợ giáo dục TKT (n = 58)

Phương pháp	Số lượng	Tỉ lệ %
Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu	10	17,24
Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ điệu bộ)	16	27,59
Sử dụng phương pháp đọc hình miệng	12	20,69
Sử dụng phương pháp nghe nói	34	58,62
Phương pháp khác	0	0

Kết quả khảo sát ở *bảng 7* cho thấy: có 58,62% GV sử dụng *phương pháp nghe nói* để hỗ trợ cho TKT; 17,24% GV sử dụng *ngôn ngữ kí hiệu* để hỗ trợ trẻ; 27,59% GV sử dụng *cử chỉ điệu bộ* và 20,69% GV sử dụng *phương pháp đọc hình miệng* để hỗ trợ

TKT. Như vậy, số GV sử dụng phương pháp nghe nói để hỗ trợ trẻ chiếm tỉ lệ cao nhất; đây chính là cơ hội tốt để TKT có thể giao tiếp và hòa nhập với xã hội thông qua ngôn ngữ lời nói.

Bảng 8. Những kĩ thuật GV thường sử dụng để phát triển ngôn ngữ cho TKT (n = 58)

Kĩ thuật áp dụng	Số lượng	Tỉ lệ %
Chính âm	42	72,41
Phát triển vốn từ	42	72,41
Hình thành mẫu diễn đạt	30	51,72
Biện pháp khác: Phát triển độ dài câu nói	2	3,45

Để giúp TKT giao tiếp tốt bằng ngôn ngữ lời nói các GV thường sử dụng các kĩ thuật khác nhau, như: chỉnh âm, phát triển vốn từ, hình thành mẫu diễn đạt, phát triển độ dài trung bình câu nói. Đây là những biện pháp cần thiết và quan trọng giúp TKT mở rộng vốn từ, phát âm rõ lời, diễn đạt trôi chảy và nói được câu dài khi giao tiếp với người xung quanh.

Được hỏi về những thuận lợi và khó khăn của GV khi trong lớp có TKT học hòa nhập, có rất nhiều ý kiến khác nhau. Các ý kiến này được phản ánh ở **bảng 9**:

Bảng 9. Ý kiến của GV về những thuận lợi và khó khăn khi dạy lớp hòa nhập TKT

Thuận lợi	Khó khăn
- Trẻ học hòa nhập đa phần là trẻ lớn, trẻ có quá trình huấn luyện nên có kĩ năng nghe - nói tốt	- Trẻ khó khăn về nghe nên khó hình thành các khái niệm trừu tượng đặc biệt khái niệm liên quan đến âm thanh
- Phụ huynh nhiệt tình phối hợp trong quá trình dạy trẻ	- Trẻ khó bảo, mất tập trung, hay làm theo ý mình
- Tất cả các trẻ học hòa nhập đều được hỗ trợ nghe bằng máy trợ thính hoặc "ốc tai điện tử"	- Trẻ hiểu theo nghĩa đen nên ít có sáng tạo và hay dập khuôn, máy móc, chưa nhanh nhẹn khi tham gia trò chơi có luật
- Trẻ có nhận thức nhanh, quan sát tốt, tập trung tốt, dễ dàng phối hợp với GV và bạn trong lớp	- Trình độ chuyên môn nhiều hạn chế, ít kinh nghiệm làm việc đặc biệt với trẻ có "ốc tai điện tử"
- Trẻ có thể nhìn, bắt chước các hành động của người khác tốt	- Thiếu sự chia sẻ hỗ trợ từ phía phụ huynh
	- Trẻ thường mắc thêm dạng tật khác
	- Cơ sở vật chất của nhà trường còn hạn chế, chưa có đủ phòng tiêu chuẩn để dạy cho TKT (phòng cách âm)
	- Âm tiếng Việt đa dạng và phong phú có nhiều từ đồng âm khác nghĩa, hay từ có cùng khẩu hình miệng, cùng vị trí đặt lưỡi, vị trí phát âm

3. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả khảo sát cho thấy, thực tiễn dạy học và hỗ trợ giáo dục TKT tại các trường mầm non hòa nhập trên địa bàn TP. Hà Nội là rất phong phú, đòi hỏi đội ngũ GV cần được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức

chuyên sâu. Tuy nhiên, nguồn nhân lực này còn đang ở một khoảng cách khá xa so với mong đợi.

Một số khuyến nghị sau khi khảo sát: - Các trường mầm non hòa nhập TKT cần bổ sung thêm nhân lực được đào tạo chuyên sâu về giáo dục TKT; đồng thời, cần cung cấp các khóa bồi dưỡng chuyên đề GDHN TKT độ tuổi mầm non cho đội ngũ GV hiện có; - Cần trang bị và bổ sung thêm về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hòa nhập TKT, như: phòng cách âm, tài liệu/sách dạy nói và phát triển giao tiếp, đồ dùng trực quan minh họa các khái niệm trong dạy TKT; - Cần có chính sách đãi ngộ tương xứng với công sức của GV tham gia hỗ trợ hòa nhập tại các trường mầm non; - Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, GV và phụ huynh trong việc xây dựng chương trình, cách thức dạy và hỗ trợ, trao đổi thường xuyên trong quá trình hỗ trợ trẻ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Hải (2010). *Giáo trình quản lý giáo dục hòa nhập*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT (2010). *Một số kĩ năng dạy trẻ khiếm thính trong lớp học hòa nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Tuyết Xương (2015). *Ốc tai điện tử ở trẻ em*. NXB Y học.
- [5] Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2011). *Giáo dục hòa nhập*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Lê Thị Bắc Lý - Bùi Thị Lâm (2005). *Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ khiếm thính ở lớp mẫu giáo hoà nhập*. Tạp chí Giáo dục, số 114, tháng 5/2005, tr 35-36.

Sử dụng cách tiếp cận tham vấn...

(Tiếp theo trang 22)

with preschoolers. *American Journal of Occupational Therapy*, pp. 566-569.

[4] B.L. Kemmis - W. Dunn (1996). *Collaborative consultation: The efficacy of remedial and compensatory interventions in school contexts*. *American Journal of Occupational Therapy*, pp. 709-717.

[5] B. Scott (2009). *Consultation in Schell, Barbara A., et al. (Eds.) Willard and Spackman's Occupational Therapy*. Lippincott Williams & Wilkins, 964-972.

[6] R.C. Schaaf - K.M. Nightlinger (2007). *Occupational therapy using a sensory integrative approach: A case study of effectiveness*. *American Journal of Occupational Therapy*, 239-246.

[7] E.M. Unianu (2012). *Teachers' attitudes towards inclusive education*. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 900-904.